TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **272/**2026/HNGĐ-ST
Ngày 18/6/ 2026
V/v*"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Kinh Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Huệ

2. Bà Lê Thị Hồng

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt - Cán bộ Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà . Trần Thị hương Thu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2026/QĐST – HNGĐ ngày 29/5/2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: bà **Đặng Thị Thục Đ**. Sinh năm 1978. CCCD số: 054178011900 do Cục C cấp ngày 22/12/2021. Địa chỉ thường trú: K176/32 T, phường H, thành Phố Đà Nẵng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn*: Ông **Phạm Thanh H**. Sinh năm: 1968. CCCD số: 054068015063 do Cục C cấp ngày 10/02/2025. Địa chỉ thường trú: K176/32 T, phường H, thành Phố Đà Nẵng. Hiện ở tại: Số C Hải Phòng, phường H, thành phố Đà Nẵng(vắng mặt hai lần không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Đặng Thị Thục Đ trình bày:*

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Phan Thanh H1 tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B (cũ), quận N, thành phố Đà Nẵng nay là phường N, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung số tại địa chỉ K T, phường H. Đến năm 2023 thì vợ chồng xảy ra muân thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình trái ngược, hai bên gia đình đã tiến hành hoà giải cho hai vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân đã 2 năm nay. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thanh H1

2. *Về con chung*: Bà Đặng Thị Thục Đ xác nhận vợ chồng bà có 02 người con chung là Phạm Nhật A , sinh năm 2001; Phạm Thục H2, sinh năm 2026. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Bà Đặng Thị Thục Đ xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải Tòa án giải quyết. Đồng thời xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Bà Đặng Thị Thục Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc ly hôn với ông Phan Thanh H1

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phan Thanh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến cho rằng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình

giải quyết vụ án, ông Phan Thanh H1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến. Nguyên đơn là bà Đặng Thị Thục Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Đặng Thị Thục Đ và ông Phan Thanh H1.

[2] Về nội dung:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: bà Đặng Thị Thục Đ và ông Phan Thanh H1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B (cũ), quận N, thành phố Đà Nẵng nay là phường N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01 ngày 23/4/2001. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình. Ông bà đã có thời gian dài sống ly thân cho đến nay.

Xét thấy hôn nhân giữa bà Đ và ông H1 đã không còn tồn tại trên thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H1 vẫn vắng mặt, thể hiện việc ông H1 không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Đặng Thị Thục Đ được ly hôn với ông Phan Thanh H1

2.2. *Về quan hệ con chung:* Bà Đặng Thị Thục Đ xác nhận vợ chồng bà có 02 người con chung là Phạm Nhật A , sinh năm 2001; Phạm Thục H2, sinh năm 2026. Các con chung đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Đ xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Đặng Thị Thục Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thục Đ đối với ông Phan Thanh H1. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân : xử cho bà Đặng Thị Thục Đ được ly hôn đối với ông Phan Thanh H1.

2. Về quan hệ con chung: Các con chung là Phạm Nhật A, sinh năm 2001; Phạm Thục H2, sinh năm 2026 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét giải quyết

3.Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Đ phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001846 ngày 04/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. (bà Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND khu vực 1- Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
-UBND phường Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Ngọc Kinh Luân

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG
Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Kinh L

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng

Bà Phan Thị Huệ

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự

Vào hồi giờ ngày 18/6/2026. Tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án ly hôn :

* *Nguyên đơn*: bà **Đặng Thị Thục Đ**. Sinh năm 1978. CCCD số: 054178011900 do Cục C cấp ngày 22/12/2021. Địa chỉ thường trú: K176/32 T, phường H, thành Phố Đà Nẵng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn*: Ông **Phạm Thanh H**. Sinh năm: 1968. CCCD số: 054068015063 do Cục C cấp ngày 10/02/2025. Địa chỉ thường trú: K176/32 T, phường H, thành Phố Đà Nẵng. Hiện ở tại: Số C Hải Phòng, phường H, thành phố Đà Nẵng(vắng mặt hai lần không có lý do).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về Điều luật áp dụng: Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

2. Tuyên xử :

+ *Về quan hệ hôn nhân* : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thục Đ đối với ông Phan Thanh H1. Xử cho bà Đặng Thị Thục Đ được ly hôn đối với ông Phan Thanh H1.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

+ *Về quan hệ con chung*: Các con chung là Phạm Nhật A, sinh năm 2001; Phạm Thục H2, sinh năm 2026 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét giải quyết

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Đ xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

3**.** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Đ phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001846 ngày 04/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. (bà Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN – THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phan Thị Huệ Đặng Ngọc Kinh L

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Sanh Huỳnh Tiễn Đặng Ngọc Kinh Luân